

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2019

*“V/v tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐ - ST ngày 24/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐ-ST ngày 10/6/2019; giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Phú L, xã N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại : Friedrich – Verleger 24, 33602 Bielefeld – Germany (CHLB Đ) – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn T, xã A, Thành phố H, tỉnh Hải Dương – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai đã được hợp pháp hóa lãnh sự - Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh và chị L tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã N, huyện S (nay là xã N, thành phố H) ngày 11/7/2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng sống không hạnh phúc. Năm 2009 anh tự

làm thủ tục sang Đ lao động, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau, nhưng sau đó mỗi lần gọi điện vợ chồng thường cãi nhau nên anh ít gọi điện về nhà. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung : Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 04/5/2006 và Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 04/5/2008. Hiện các con đang ở với chị L. Ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, anh ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T là anh trai nuôi dưỡng, chăm sóc hai con.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị L đến làm việc, tuy nhiên chị L không có mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình chị L thể hiện: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn Phú L, xã N, thành phố Hải Dương. Hiện tại anh Th đang ở nước ngoài, chị L do nợ tiền của nhiều người nên đã bỏ trốn không còn ở địa phương, các con của anh Th, chị L hiện đang sống cùng ông bà ngoại tại thôn T, xã A, thành phố Hải Dương.

Bà Đặng Thị B là mẹ đẻ chị L xác định: Do chị L nợ tiền của nhiều người nên đã bỏ trốn và gửi hai con cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Thỉnh thoảng chị L có gọi điện về hỏi thăm các con nhưng không nói địa chỉ đang ở. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, bà đã thông báo cho chị L biết việc anh Th đang có đơn ly hôn, quan điểm của chị L đồng ý. Do chị L không thể về để giải quyết ly hôn nên chị đồng ý để anh Th nuôi con, về tài sản chung không có.

Anh Nguyễn Văn T là người được anh Th ủy quyền có quan điểm: Đồng ý nhận ủy quyền của anh Th để giao nộp tài liệu, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Trong thời gian anh Th không ở Việt Nam anh sẽ có trách nhiệm chăm sóc hai cháu Nguyễn Thị Quỳnh Tr và cháu Nguyễn Việt Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh Th, chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Th được ly hôn chị L; Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh

Tr và cháu Nguyễn Việt Đ cho anh Th nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh Th không có mặt ở Việt Nam, giao cháu Tr, cháu Đ cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đơn ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt của anh Th đều được Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đ hợp pháp hóa lãnh sự. Anh Th có đơn ly hôn chị Phạm Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn Phú L, xã N, Thành phố Hải Dương. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị L không có mặt tại địa phương nên Tòa án không lấy được lời khai của chị L. Qua xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện, chị L có hộ khẩu tại thôn Phú L, xã N, thành phố Hải Dương, thời gian trước khi đi làm ăn xa chị L và các con về sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở thôn T, xã A, thành phố Hải Dương. Khi đi chị L không khai báo tạm trú, tạm vắng tại địa phương, địa phương không biết chị L đang ở đâu. Bà B là mẹ đẻ chị L xác định, chị L đi làm ăn xa gửi con cho bà chăm sóc, thỉnh thoảng có gọi điện về cho bà để hỏi thăm các con. Bà đã thông báo cho chị L biết việc anh Th có đơn ly hôn chị, quan điểm của chị đồng ý ly hôn và đồng ý để anh Th nuôi con, nhưng chị L không cung cấp địa chỉ và không có văn bản thể hiện quan điểm về việc ly hôn. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật. Do vậy có căn cứ xác định chị L đã biết việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án nhưng cố tình giấu địa chỉ và không đến tham gia tố tụng. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L.

Anh Th có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 11/7/2005 tại UBND xã N, huyện S (nay xã N, thành phố Hải Dương), do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm,

không có hạnh phúc, năm 2009 anh Th sang Đức lao động, thời gian đầu vợ chồng liên lạc nhưng sau đó ít liên lạc, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn. Chị L được gia đình thông báo và cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Th.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 04/5/2006 và cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 04/5/2008. Hiện tại các cháu đang ở với ông bà ngoại. Ly hôn anh Th có quan điểm được nuôi con. Các cháu Tr, cháu Đ cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Xét thấy hiện nay chị L không có mặt tại địa phương nên việc chăm sóc các con phải nhờ bố mẹ đẻ. Bà Đặng Thị B là mẹ đẻ của chị L cũng có quan điểm hiện nay vợ chồng bà tuổi đã cao nên không có khả năng chăm sóc các cháu. Do vậy cần giao 2 con chung cho anh Th nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Th không có mặt ở Việt Nam anh Th đã ủy quyền cho anh trai là Nguyễn Văn T chăm sóc nuôi dưỡng các con. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của anh Th. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Phạm Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 04/5/2006 và cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 04/5/2008 cho anh Nguyễn Văn Th nuôi dưỡng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh Th không ở Việt Nam giao cháu Tr, cháu Đ cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do anh Nguyễn Văn T nộp thay theo biên lai thu số AA/2017/0007368 ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại chi Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Th đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Phạm Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền